

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Thực hiện Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động và chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê tan của ngành giao thông vận tải;

Thực hiện Quyết định số 1191/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) Ban hành kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2030;

Theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024 quy định: “**4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** căn cứ vào nguồn lực địa phương quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé”.

Nội dung này đã được Bộ Tư pháp thông báo tại Công văn số 4151/BTP-VĐCXDPL ngày 25/7/2024 về việc thông báo nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7. Đồng thời nội dung này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 về việc ban hành danh mục Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chi tiết nội dung giao tại Luật Đường bộ được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7; được Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ngày 29/7/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 356/QĐ-UBND về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2025 (từ tháng 7/2025), trong đó có nội dung: Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông vận tải, trong đó có định hướng các chính sách quan trọng để huy động mọi nguồn lực của xã hội để đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đồng thời cũng là giải pháp giảm tai nạn giao thông và chống ùn tắc giao thông tại các đô thị.

Đối với tỉnh Thái Nguyên, với sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, hệ thống hạ tầng giao thông từng bước phát triển. Tuy nhiên, các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chưa được hỗ trợ lãi suất vay vốn, chưa có chính sách cụ thể về miễn giảm giá vé cho hành khách sử dụng xe buýt. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại của hành khách, chất lượng phương tiện và chất lượng dịch vụ thấp; chưa bảo đảm ổn định trật tự an toàn giao thông, chưa giảm thiểu phương tiện cá nhân tham gia giao thông và chưa góp phần bảo vệ môi trường sống xanh - sạch - đẹp.

Toàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay có 12 tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt (tuyến) đang hoạt động, có 05 doanh nghiệp đăng ký khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt, trong đó 11 tuyến ở khu vực phía Nam, 01 tuyến ở khu vực phía Bắc, tổng chiều dài tuyến đạt 704 km, sử dụng 141 phương tiện và thực hiện khoảng 740 lượt vận chuyển mỗi ngày. Trong năm 2024, hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ghi nhận 2,57 triệu lượt hành khách được vận chuyển, với 244 ngàn lượt xe chạy được thực hiện trên toàn mạng lưới 12 tuyến. Bình quân mỗi lượt xe vận chuyển khoảng 10,53 hành khách, cho thấy hiệu quả vận hành ở mức trung bình, chưa khai thác tối đa năng lực phương tiện.

Đối tượng phục vụ của xe buýt chủ yếu là học sinh, sinh viên, công nhân và người lao động có thu nhập thấp. Tuy nhiên chất lượng phần lớn phương tiện phục vụ vận tải khách bằng xe buýt của các đơn vị hiện nay đã xuống cấp do hoạt động nhiều năm làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ vận tải, gây ô nhiễm môi trường nhưng các đơn vị có khó khăn trong việc đầu tư phương tiện mới do kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt hiện không hiệu quả bằng kinh doanh các loại hình vận tải khác. Công tác đầu tư hạ tầng cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt như đầu tư điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, nhà chờ, điểm dừng đỗ đón trả khách còn hạn chế do khó khăn về kinh phí đầu tư

Trên thực tế, tỉnh Thái Nguyên hiện chưa có các chính sách cụ thể, trực tiếp và hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vận tải hành khách bằng xe buýt chuyển đổi sang sử dụng xe điện hoặc các phương tiện sử dụng năng lượng xanh. Các quy định liên quan đến ưu đãi về thuế, tín dụng, giá điện, hỗ trợ đầu tư hạ tầng trạm sạc... vẫn chưa được ban hành hoặc chưa đủ sức hấp dẫn. Bên cạnh đó, chi phí đầu tư xe buýt điện cao hơn nhiều so với xe chạy diesel truyền thống, khiến các doanh nghiệp còn e dè trong việc đầu tư mới hoặc thay thế phương tiện hiện có. Hiện nay, các phương tiện xe buýt đang hoạt động trên địa bàn tỉnh chủ yếu là xe cỡ vừa và nhỏ, với sức chứa phổ biến như 21 chỗ ngồi + 19 chỗ đứng, 20 + 20, hoặc 18 + 22... Phần lớn các phương tiện được sản xuất trong giai đoạn 2016–2018, một số phương tiện có niên hạn khá cũ như tuyến số 4 (năm 2011) và tuyến số 7 (năm 2008, 2010) cho thấy nhu cầu đổi mới phương tiện trong thời gian tới là rất lớn, đồng thời cũng mở ra cơ hội để lồng ghép chuyển đổi xanh vào quá trình đầu tư phương tiện mới. Tuy nhiên, nếu không có chính sách hỗ trợ về tài chính hoặc tiếp cận vốn vay ưu đãi, việc doanh nghiệp chủ động thay đổi công nghệ hoặc đầu tư phương tiện điện sẽ khó khả thi do hiệu quả kinh doanh vận tải hiện nay còn ở mức thấp, sản lượng hành khách chưa cao. Việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho vận tải xanh như trạm sạc, khu bảo dưỡng xe điện cũng chưa được triển khai trên địa bàn tỉnh. Đây là một trở ngại lớn trong việc hiện thực hóa chủ trương chuyển đổi năng lượng xanh, vì hạ tầng là yếu tố tiên quyết để đảm bảo khả năng vận hành ổn định và hiệu quả của hệ thống xe buýt điện.

Cơ sở xây dựng mức hỗ trợ lãi suất, thời gian hỗ trợ dựa trên các yếu tố sau: Mục tiêu chính sách (Khuyến khích đầu tư vào xe buýt mới, đặc biệt là xe buýt điện/xanh); Khả năng ngân sách nhà nước và lãi suất thị trường; Đảm bảo đủ hấp dẫn doanh nghiệp nhưng không gây áp lực lớn cho ngân sách; Ưu tiên các dự án sử

dụng năng lượng xanh; Chu kỳ hoàn vốn; Căn cứ vào các nghị quyết, nghị định của Quốc hội và quy định của Chính phủ về phát triển vận tải công cộng; Tham khảo mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ tối đa được cho phép của các tỉnh khác.

Từ những tình hình thực tế đó, việc xây dựng và ban hành “Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành các quy định hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt kịp thời sẽ thúc đẩy phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại đa dạng trên các tuyến cho người dân, kết nối với các loại hình vận tải một cách đồng bộ và hợp lý hơn. Đồng thời đáp ứng nhu cầu đi lại được thuận tiện với chi phí rẻ, góp phần tiết kiệm chi phí đi lại và chi phí chung của toàn xã hội, hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân, giảm ùn tắc, giảm tai nạn giao thông. Góp phần giảm ô nhiễm môi trường, giảm khí thải, giảm tiếng ồn, bảo đảm được điều kiện sinh hoạt, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đảm bảo phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, tiến tới xây dựng hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phát triển bền vững và bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2025. UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Xây dựng chủ trì xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, tổ chức lấy ý kiến của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức chính trị-xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định, đồng thời đăng tải nội dung tại mục góp ý dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Sở Xây dựng đã thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 151/QĐ-SXD ngày 18/8/2025.

Sau khi hoàn thành dự thảo, Sở Xây dựng đã có Công văn số 2302/SXD-QLVT&ATGT ngày 29/9/2025 về việc đăng tải và xin ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Hết thời hạn tham gia ý kiến, Sở Xây dựng đã nhận văn bản góp ý của 29 cơ quan, đơn vị và không có ý kiến góp ý nào được ghi nhận trên công thông tin điện tử của tỉnh. Các góp ý đã được Sở Xây dựng nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý, hoàn thiện trong dự thảo Nghị quyết.

Ngày 24/10/2025, Sở Xây dựng có Văn bản số 3041/SXD-QLVT&ATGT về thẩm định dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp, ngày 01/11/2025 Sở tư pháp đã có Báo cáo số 495/BC-STP thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Xây dựng đã chỉnh lý, hoàn thiện các nội dung của dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện bảo đảm đúng quy trình, đầy đủ hồ sơ theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt, hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối tượng áp dụng

+ Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

+ Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Ngoài phần căn cứ, dự thảo bao gồm 8 Điều sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng.

Điều 4. Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng năng lượng xanh.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

Điều 8. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng năng lượng xanh

- Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ:

+ Đối tượng được hưởng hỗ trợ là các đơn vị đáp ứng điều kiện về kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của Luật Đường bộ và các quy định hiện hành, có đăng ký hoạt động và thực hiện dự án đầu tư mua sắm mới phương tiện xe buýt để kinh doanh khai thác trên tuyến xe buýt được công bố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, có sử dụng vốn vay tại các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Dự án mua sắm).

+ Chủ Dự án mua sắm phải sử dụng đúng mục đích của vốn vay.

+ Phương tiện xe buýt của Dự án mua sắm phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành về hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt.

+ Phương tiện xe buýt mua sắm thuộc Dự án được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay.

- Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ:

+ Mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm; hạn mức hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng vay, nhưng không quá 80% giá trị phương tiện được duyệt; thời gian hỗ trợ theo hợp đồng vay vốn và số dự nợ thực tế, nhưng tối đa không quá 07 năm.

+ Thời điểm bắt đầu hỗ trợ lãi suất vay vốn tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng.

3.2. Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ:

+ Đối tượng được miễn giá vé xe buýt gồm: Trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

+ Các đối tượng được giảm giá vé tháng gồm: Người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên đang học tập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 100% giá vé tháng cho nhóm đối tượng được miễn vé xe buýt.

+ Hỗ trợ 50% giá vé tháng cho nhóm đối tượng được giảm giá vé tháng.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến kinh phí hằng năm cần cho việc thực hiện chính sách: Khoảng 20,44 tỷ đồng/năm, cụ thể:

a) Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng năng lượng xanh: khoảng 9,43 tỷ đồng/năm, cụ thể:

+ Tổng số lượng xe buýt sử dụng năng lượng xanh cần đầu tư đến năm 2030

dự ước 81 phương tiện (B1); Giá xe trung bình là 4 tỷ đồng (B2); Mức hỗ trợ lãi suất vay là 6% (B3); Tổng số tiền hỗ trợ lãi vay (7 năm) theo cơ cấu B1, B2 và B3 ước khoảng 65,99 tỷ đồng (B4); Kinh phí hỗ trợ đối với dự án đầu tư xe buýt sử dụng năng lượng xanh ước tính hàng năm: $B4/7 = 9,43$ tỷ đồng/năm.

b) Hỗ trợ miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: khoảng 11,01 tỷ đồng/năm, trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ đối tượng được miễn giá vé tháng là: 0,29 tỷ đồng/năm:

Số lượng người khuyết tật của tỉnh Thái Nguyên theo thống kê khoảng 32.500 (Thái Nguyên cũ có 26.000 người, Bắc Kạn cũ có 6.500 người). Trong đó ước tính tỷ lệ người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng toàn tỉnh ước khoảng 14.950 (D7) người (Thái Nguyên cũ khoảng 50%, Bắc Kạn cũ khoảng 30%). Với khoảng 60% người khuyết tật trong độ tuổi lao động, trong đó 5% có nhu cầu đi lại bằng xe buýt với tần suất 1 lần/tháng, vậy số lượt HK là người khuyết tật sử dụng xe buýt khoảng $= D7 \times 60\% \times 5\% \times 1 \times 2 \times 12 = 10.764$ lượt/năm (D8). Giá vé lượt trung bình 27.000 đồng (D9). Tổng kinh phí hỗ trợ đối tượng áp dụng miễn giá vé: $D8 \times D9 = 0,29$ tỷ đồng/năm.

(Trẻ em dưới 6 tuổi đi cùng người lớn, số lượt đi xe buýt không thường nhiều, không thực hiện kiểm vé, không tính toán bù đắp chi phí)

+ Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được giảm giá vé tháng là: 13,96 tỷ đồng/năm:

Tổng sản lượng hành khách (HK) trung bình hàng năm ước khoảng: 3,74 triệu lượt hành khách (D1); số lượt HK đi vé tháng khoảng 60% tổng sản lượng HK ước khoảng 2,24 triệu lượt HK (D2); Số lượng HS, SV sử dụng vé tháng giảm giá theo cơ cấu D1 và D2 ước khoảng 2,806 người (D3); Số lượng người cao tuổi sử dụng vé tháng giảm giá ước khoảng 630 người (D4); Số lượng người có công với CM (đã được công nhận) sử dụng vé tháng giảm giá ước khoảng 138 người (D5); Giá vé tháng trung bình 500.000 đồng/tháng (D6). Tổng kinh phí hỗ trợ giảm giá vé: $(D3+D4+D5) \times D6 \times 50\% \times 12 = 10,72$ tỷ đồng/năm.

2. Dự kiến nguồn lực

Theo Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng Chi ngân sách địa phương là 29.286 tỷ đồng, trong đó Chi đầu tư phát triển 6.808 tỷ đồng, Chi thường xuyên 18.052 tỷ đồng, Dự phòng ngân sách 517 tỷ đồng và Chi các mục tiêu khác là 3.909 tỷ đồng.

Mức tổng kinh phí hỗ trợ dự kiến là **20,44 tỷ đồng/năm** bằng 0,07% tổng chi ngân sách, bằng 0,3 % chi đầu tư phát triển, bằng 0,11 % chi thường xuyên, bằng 3,95 % dự phòng ngân sách.

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV xem xét thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan gửi kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ./. *gmb*

(Tờ trình trên thay thế Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: XD, TP, TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TH, CNN&XD.

Tqbao.TTr/T11

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Linh